

Số: 13 /2017/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (I, II);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT & các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh
- Công thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu VT + NC/KTN.bnt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương

QUY ĐỊNH
Quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy trình này quy định về trình tự thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
2. Những nội dung không quy định tại Quy trình này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi nhà nước thu hồi đất;
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương II
THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Căn cứ thực hiện việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ sau đây:

1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai 2013;
2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án.

Điều 4. Thẩm quyền thu hồi đất

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai.
3. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

Chương III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN

Điều 5. Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thông báo thu hồi đất

Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được phê duyệt, Chủ đầu tư có nhu cầu thu hồi đất để triển khai dự án liên hệ cơ quan Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án tham mưu trình Ủy ban nhân dân cùng cấp có thẩm quyền thu hồi đất phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Nội dung Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, gồm các nội dung sau đây:

- a) Lý do thu hồi đất;
- b) Diện tích, vị trí khu đất thu hồi trên cơ sở hồ sơ địa chính hiện có hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp thu hồi đất theo tiến độ thực hiện dự án thì ghi rõ tiến độ thu hồi đất;
- c) Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm;
- d) Dự kiến về kế hoạch di chuyển và bố trí tái định cư;
- đ) Giao nhiệm vụ lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Thông báo thu hồi đất

a) Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết. Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

b) Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất.

c) Hồ sơ đề nghị ban hành Thông báo thu hồi đất, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị thu hồi đất;
- Dự án đầu tư, trong đó thể hiện rõ tiến độ sử dụng đất dự án;

d) Trong thời gian 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ của Chủ đầu tư, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành văn bản thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành văn bản thông báo thu hồi đất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ do Cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình đến (theo mẫu số 07 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo thu hồi đất thì thời gian tính từ ngày nhận được văn bản ủy quyền; hồ sơ trình theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, gồm:

- Văn bản đề nghị thu hồi đất của Chủ đầu tư;

- Dự án đầu tư, trong đó thể hiện rõ tiến độ sử dụng đất dự án;
 - Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với phần nội dung có liên quan đến dự án thu hồi đất;
 - Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác phải có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác theo Điều 58 của Luật Đất đai 2013.
 - Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính;
 - Tờ trình kèm theo dự thảo Thông báo thu hồi đất.
- đ) Nội dung của Thông báo thu hồi đất gồm
- Lý do thu hồi đất;
 - Diện tích, loại đất, vị trí khu đất thu hồi trên cơ sở hồ sơ địa chính hiện có hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp thu hồi đất theo tiến độ thực hiện dự án thì ghi rõ tiến độ thu hồi đất;
 - Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm;
 - Dự kiến về kế hoạch di chuyển và bố trí tái định cư.

e) Thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là căn cứ pháp lý để tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và nhà đầu tư thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

f) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, chủ trì phối hợp cùng tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường và Chủ đầu tư gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

3. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 của Quy định này thì Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu hồi đất và thông báo thu hồi đất hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch thu hồi đất và thông báo thu hồi đất.

Điều 6. Chuẩn bị hồ sơ địa chính khu đất thu hồi

1. Sau khi có văn bản giao nhiệm vụ, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng (đơn vị có chức năng thực hiện công tác bồi thường) phối hợp với Chủ đầu tư và đơn vị đo đạc để thực hiện việc trích đo, trích lục (đối với nơi đã có bản đồ địa chính) hoặc thực hiện việc đo đạc (đối với những nơi chưa có bản đồ địa chính), lập hồ sơ địa chính phục vụ việc thu hồi đất, thời gian thực hiện không quá 15 ngày làm việc (riêng đối với các công trình thực hiện theo tuyển thì thời gian thực hiện không quá 25 ngày làm việc). Việc lập hồ sơ địa chính khu đất thu hồi theo quy định sau:

- Tiếp nhận và kiểm tra mốc giải phóng mặt bằng (trên văn bản và ngoài thực địa);
- Đo đạc xác định mốc giới khu đất ngoài thực địa;

- Lập danh sách các thửa đất thu hồi với các nội dung: Số hiệu tờ bản đồ, số hiệu thửa đất, tên người sử dụng đất, diện tích, mục đích sử dụng đất, xác định vị trí đất, thửa đất đã được cấp hay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị đo đạc kiểm tra và ký xác nhận danh sách các thửa đất thu hồi trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 7. Triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát đo đạc, kiểm đếm, kiểm đếm bắt buộc

1. Trên cơ sở hồ sơ địa chính đã chuẩn bị, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi tổ chức họp dân triển khai kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm, phát mẫu tờ khai và hướng dẫn người có đất thu hồi kê khai theo quy định (theo Phụ lục số 1 của quy định này). Thời hạn để người dân thực hiện việc kê khai không quá 5 ngày.

2. Sau khi người có đất bị thu hồi kê khai và cung cấp giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc kiểm tra xác định nội dung kê khai và thực hiện kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo Phụ lục số 2 của quy định này). Trong 20 ngày làm việc, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cùng người có đất bị thu hồi tiến hành kiểm đếm đất đai, tài sản và lập biên bản xác nhận;

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm;

b) Tham gia buổi kiểm đếm thực địa có thành viên của Tổ chức trực tiếp thực hiện bồi thường cùng người có đất bị thu hồi và các thành viên khác, bao gồm:

- Trưởng ấp, hoặc trưởng khóm;
- Đại diện cho Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án hoặc ủy quyền cho cán bộ địa chính cấp xã;
- 01 thành viên của Hội đồng bồi thường cấp huyện.
- Đại diện chủ đầu tư (chứng kiến).

3. Biên bản kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người có đất bị thu hồi phải thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Diện tích, mục đích sử dụng đất thu hồi của từng hộ gia đình, cá nhân và tổ chức;

b) Kiểm đếm xác lập đầy đủ số lượng, chất lượng tài sản gắn liền với diện tích đất thu hồi theo hiện trạng đang sử dụng để làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường, hỗ trợ;

Đối với nhà cửa, vật kiến trúc phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh là tài sản của tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh, thì ghi chú vào biên bản kiểm kê tài sản để lấy ý kiến cơ quan chuyên ngành về tỷ lệ giá trị còn lại;

c) Người bị thu hồi đất không có tài sản gắn liền với đất thì ghi vào biên bản "Không có tài sản gắn liền với đất";

d) Trường hợp tài sản trên đất không phải là của người bị thu hồi đất thì ghi vào biên bản "Tài sản (của người chủ tài sản) nằm trên đất của (người bị thu hồi đất)" và có xác nhận của người bị thu hồi đất, chữ ký của người chủ tài sản;

4. Biên bản kiểm đếm được lập thành 03 bản và phải có chữ ký của các thành viên tham gia buổi kiểm kê và chữ ký (hoặc điểm chỉ) của người bị thu hồi đất, người chủ sở hữu tài sản (nếu có).

Biên bản kiểm đếm được giao cho người bị thu hồi đất, chủ sở hữu tài sản 01 bản ngay sau khi kết thúc buổi kiểm đếm. Riêng 02 biên bản còn lại được chuyển cho Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để ký tên đóng dấu; Trường hợp lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ủy quyền cho cán bộ địa chính xã tham gia kiểm kê thì sau buổi kiểm kê, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký tên đóng dấu xác nhận lên biên bản;

5. Trường hợp kiểm kê theo diện vắng chủ thì ghi trong biên bản "Kiểm kê diện vắng chủ" và phải có ký xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (ký tên, đóng dấu) và ký xác nhận của trưởng ấp hoặc trưởng khóm và niêm yết biên bản kiểm kê trường hợp này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi thời hạn 10 ngày.

6. Trường hợp người sử dụng đất hoặc chủ sở hữu tài sản trong khu vực có đất thu hồi không phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất thực hiện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được vận động, thuyết phục mà người sử dụng đất hoặc chủ sở hữu tài sản vẫn không phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc (mẫu số 08 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Người có đất thu hồi hoặc chủ sở hữu tài sản có trách nhiệm thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. Trường hợp người có đất thu hồi hoặc chủ sở hữu tài sản không chấp hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc (mẫu số 09 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 8. Xác nhận, thẩm định các điều kiện được bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và các khoản hỗ trợ

1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất bị thu hồi tại Điều 7 của Quy trình này, Ủy ban nhân dân xã có

trách nhiệm hoàn thành việc xác nhận và có văn bản xác nhận về các nội dung sau:

- Xác định nhà, đất trong phạm vi thu hồi của hộ gia đình, cá nhân có tranh chấp hay không có tranh chấp;
- Nguồn gốc sử dụng đất, quá trình sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- Tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và thời điểm, quá trình hình thành tài sản trên đất;
- Tình trạng đất ở, nhà ở khác (ngoài địa chỉ nơi có đất bị thu hồi) trong địa bàn xã, phường, thị trấn của hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất;
- Số lao động trong độ tuổi (đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp) có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, học nghề và tìm kiếm việc làm. Số lao động có ký kết hợp đồng lao động với Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Đối với Công an xã

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Công an xã thực hiện việc xác nhận hộ gia đình, số nhân khẩu để áp dụng các chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

3. Đối với cơ quan thuế

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Chi cục Thuế có trách nhiệm kiểm tra và có ý kiến xác nhận về mức thu nhập sau thuế của tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài làm căn cứ hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 16 của Quyết định 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của người bị thu hồi đất.

4. Đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra và có văn bản xác nhận về đối tượng chính sách và các đối tượng khác đang quản lý, để được hỗ trợ theo quy định.

5. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn chỉnh hồ sơ đề nộp cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định điều kiện được bồi thường đất và điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ nộp tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định điều kiện bồi thường về đất;

- Biên bản kiểm kê đất đai và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người có đất thu hồi;

- Tờ khai nguồn gốc sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

Trên cơ sở hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã nộp, trong thời hạn 15 ngày làm việc cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì thẩm định các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản xác nhận loại đất và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn thửa đất thu hồi.

Điều 9. Xác định giá đất để tính tiền bồi thường

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường. Trình tự, thủ tục xác định giá đất để tính tiền bồi thường thực hiện theo quy định về trình tự thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 10. Lập, niêm yết, công khai phương án bồi thường dự thảo lấy ý kiến của người dân; thông qua Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện và gửi hồ sơ thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định thu hồi đất

1. Lập, niêm yết công khai phương án bồi thường (dự thảo) lấy ý kiến của người dân và thông qua Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Căn cứ vào hồ sơ kiểm kê, văn bản thẩm định điều kiện bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, vị trí đất và giá đất bồi thường, giá giao đất tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (mẫu Phụ lục số 3 của quy định này) và niêm yết, công khai phương án bồi thường lấy ý kiến của người dân theo Khoản 2 Điều 26 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian niêm yết, tiếp nhận ý kiến đóng góp của người dân trong khu vực có đất thu hồi ít nhất là 20 ngày kể từ ngày niêm yết.

Trường hợp người dân trong phạm vi thực hiện dự án đồng ý với phương án bồi thường dự kiến được niêm yết (có Biên bản làm việc cụ thể đối với từng hộ dân), thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tổng hợp ý kiến đóng góp mà không phải chờ đến hết thời hạn niêm yết phương án bồi thường dự kiến nêu trên.

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp về phương án bồi thường, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm hoàn chỉnh lại phương án bồi thường theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thông qua Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện nơi thực hiện dự án cho ý kiến trước khi trình cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện nơi thực hiện dự án có ý kiến đề Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hoàn chỉnh hồ sơ gửi cơ quan thẩm định.

2. Hồ sơ thẩm định phương án bồi thường: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi hồ sơ đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, hồ sơ (02 bộ) gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cấp có thẩm quyền;

- Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (mẫu Phụ lục số 3 của quy định này);

- Hồ sơ giải phóng mặt bằng có thể hiện diện tích thu hồi, thông báo thu hồi đất, hồ sơ điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, bản đồ trích đo, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Bảng tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất thu hồi;

- Biên bản họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện nơi thực hiện dự án;

- Văn bản, giấy tờ khác có liên quan đến đất và tài sản gắn liền với đất, các khoản hỗ trợ làm căn cứ tính toán, xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ.

3. Phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định thu hồi đất

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Trường hợp trong khu vực thu hồi đất quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Quy định này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc xem xét giao Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

c) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất (mẫu số 10 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) theo quy định tại Điều 4 của quy định này. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất được thực hiện theo Khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Thời hạn thực hiện các nội dung tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 10 Quy định này không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ do cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình đến. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì thời gian tính từ ngày nhận được văn bản ủy quyền.

4. Sau khi cấp thẩm quyền Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng hộ gia đình, cá nhân.

Điều 11. Công khai Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và chi trả tiền bồi thường

1. Công khai Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi toàn bộ các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt; đồng thời trao Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhà, đất bị thu hồi, trong đó cần nêu cụ thể về mức bồi thường, mức hỗ trợ, chính sách tái định cư, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian nhận nhà, nhận đất tái định cư; thời gian bàn giao bản gốc giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Việc niêm yết công khai và gửi quyết định nêu trên phải được lập biên bản, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ trưởng dân phố hoặc trưởng thôn và đại diện người bị thu hồi đất.

Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không nhận Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã tổ chức vận động, thuyết phục.

Trường hợp sau khi đã tổ chức vận động, thuyết phục nhưng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cố tình không nhận quyết định thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản (trong đó cần lưu ý phải thể hiện rõ nội dung tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không nhận Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, có đầy đủ chữ ký của cơ quan giao quyết định và Ủy ban nhân dân cấp xã) và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và lưu hồ sơ giải phóng mặt bằng cùng với biên bản tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hoặc đoàn thể cấp xã, tổ trưởng dân phố nơi có đất bị thu hồi để có cơ sở giải quyết khiếu nại hoặc cưỡng chế thu hồi đất (nếu có) theo quy định.

2. Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có hiệu lực thi hành, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường cho người dân theo Điều 93 của Luật Đất đai 2013, Điều 30 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và Điều 29 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11

năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời thông báo cho cơ quan thuế để phối hợp khấu trừ số tiền phải nộp ngân sách Nhà nước vào tiền bồi thường, hỗ trợ trường hợp hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Trong trường hợp phải bố trí tái định cư thì đồng thời với việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giao đất, nhà tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân, bàn giao đất trên thực địa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Khi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thu hồi bản gốc các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) để chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường làm thủ tục thu hồi, chỉnh lý hoặc cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất không bị thu hồi. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư phải ký biên bản cam kết thời hạn bàn giao mặt bằng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam kết; đồng thời bàn giao bản chính giấy tờ về nhà, đất để chỉnh lý hoặc thu hồi theo quy định.

Điều 12. Bàn giao mặt bằng, cưỡng chế thu hồi đất

1. Bàn giao mặt bằng

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi theo phương án đã được xét duyệt thì người có đất thu hồi phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc thời hạn có thể sớm hơn nếu người có đất thu hồi tự nguyện, ủng hộ việc sớm bàn giao mặt bằng để triển khai dự án.

Việc bàn giao đất giữa Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và người có đất thu hồi phải lập thành biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

Sau khi đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng quản lý, sử dụng đất đã thu hồi theo quy định tại Điều 68 của Luật Đất đai 2013.

2. Cưỡng chế thu hồi đất

Trường hợp người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc không bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc các tổ chức đoàn thể cấp xã có liên quan nơi có đất thu hồi tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.

Trường hợp sau khi đã được vận động, thuyết phục mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất vẫn không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không nhận nhà, đất được bố trí tái định cư hoặc không chấp hành việc bàn giao đất thì Ủy

ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Mặt trận Tổ quốc cấp xã lập biên bản lưu hồ sơ và chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả này vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để làm căn cứ giải quyết khiếu nại sau này (nếu có), đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất (mẫu số 11 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013.

Trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế quyết định thu hồi đất thực hiện theo Điều 71 của Luật Đất đai 2013.

Điều 13. Giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành; hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra (nếu có).

Đối với trường hợp việc thu hồi đất có liên quan đến tổ chức, cá nhân khác trong việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật thì Nhà nước tiến hành thu hồi đất, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng đất, người có đất thu hồi có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Giải quyết khiếu nại, khiếu kiện trong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 204 Luật đất đai và Điều 17 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các công trình dự án thu hồi đất;

b) Chủ trì công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Hội đồng thẩm định tỉnh; trong đó chịu trách nhiệm chính thẩm định các nội dung có liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư.

c) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định, chính sách về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

2. Sở Tài chính

a. Thực hiện việc xác định giá đất cụ thể theo quy định về trình tự, thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

b. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết vướng mắc của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong áp dụng chính sách giá đất.

3. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở chuyên ngành, tham mưu về nội dung của phương án bồi thường có liên quan đến chính sách bồi thường nhà ở, vật kiến trúc; kiểm tra việc lập dự toán các hạng mục di dời hạ tầng như: điện, nước, viễn thông.v.v.

4. Công an tỉnh

Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ thi hành quyết định cưỡng chế giải phóng mặt bằng khi có văn bản yêu cầu của cấp có thẩm quyền và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn.

2. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý trong việc xác lập các hồ sơ trình cấp thẩm quyền phê duyệt giá đất cụ thể theo Điều 4 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, thông báo thu hồi đất, quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền.

4. Phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện như sau:

- Kế hoạch điều tra, kiểm đếm;
- Kế hoạch, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng;
- Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng chủ sử dụng nhà đất cụ thể;
- Dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định;
- Quy chế bốc thăm và phương án bố trí tái định cư.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức.

6. Ban hành các Quyết định: Kiểm đếm bắt buộc; Cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc; Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện các Quyết định nêu trên theo quy định.

7. Tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư (nếu có) trước khi thu hồi đất. Khu tái định cư tập trung phải đảm bảo cơ sở hạ tầng đồng bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán của địa phương.

8. Định kỳ báo cáo kết quả thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, đồng thời gửi Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với các dự án, công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh giao ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, lưu hồ sơ trước ngày 30 tháng cuối cùng của Quý.

Điều 16. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Tiếp nhận hồ sơ về dự án, quy hoạch, mốc giới, phạm vi giải phóng mặt bằng của các chủ đầu tư dự án.

2. Lập hồ sơ pháp lý về thu hồi đất, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và thực hiện điều tra, khảo sát hiện trạng, chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng, đồng thời chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xác lập các hồ sơ trình cấp thẩm quyền phê duyệt giá đất cụ thể theo Điều 4 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung theo trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định.

4. Xây dựng chi tiết kế hoạch, tiến độ giải phóng mặt bằng ngay sau khi có thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

5. Lập và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện trích chuyển cho các đơn vị theo quy định.

6. Phối hợp với các ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư và nhận bàn giao mặt bằng.

7. Liên hệ cơ quan quản lý quỹ nhà, quỹ đất tái định cư thực hiện dự án.

8. Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tham mưu giải quyết khiếu nại của người bị thu hồi đất về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

9. Trong trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật khi thi hành công vụ trong lĩnh vực đất đai được quy định tại Khoản 4 Điều 97 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thì xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã đề ra.

2. Tham mưu về nguồn vốn thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Chủ trì, phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp thông tin về diện tích thực hiện dự án theo quy hoạch hoặc theo hồ sơ thiết kế được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc xác lập hồ sơ, thủ tục giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án đúng theo quy định.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình giải quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ trì phối hợp với Tổ chức được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, các đoàn thể để phổ biến và tuyên truyền vận động người bị thu hồi nhà, đất chấp hành quyết định thu hồi đất của Nhà nước.

2. Xác nhận bằng văn bản các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Quy trình này.

3. Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

4. Phối hợp với các cơ quan, bộ phận liên quan thực hiện đúng các quy định trong trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của quy trình này.

5. Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và điểm dân cư nông thôn các văn bản pháp lý liên quan, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

6. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Phối hợp và tạo điều kiện trong việc đo đạc, kê khai diện tích, loại đất, vị trí đất, số lượng tài sản hiện có trên đất, kê khai số nhân khẩu, số lao động... và đề đạt nguyện vọng tái định cư (nếu có) theo hướng dẫn của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Chấp hành đầy đủ và đúng thời hạn về thu hồi đất./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương